

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2022/HS-ST
Ngày 18/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Huỳnh Pô Pin

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia Phiên tòa:
Ông Trình Ngọc Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 - 18 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở Phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hồ Trọng T (*Tên gọi khác: T địa*) - Sinh ngày 15/7/2000 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn A, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Hồ Trọng C - SN: 1974 và bà: Huỳnh Thị C1 - SN: 1973; Bị cáo chưa có vợ. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14/8/2018, bị Công an huyện Đồng Xuân xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích (Chấp hành xong ngày 06/5/2021).

Bị cáo bị áp dụng biện PH ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/01/2021. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Xuân, có mặt tại Phiên tòa.

2. Hồ Văn D (*Tên gọi khác: Còi*) - Sinh ngày: 02/5/1999 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn E 1 - xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Hồ Văn F - SN: 1963 và bà: Phan Thị KH - SN: 1973; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 01/10/2018, bị Hạt kiểm lâm huyện Sơn Hòa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 10.500.000 đồng về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, (Chấp hành xong ngày 01/10/2018). Nhân thân: Ngày 19/02/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng

tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, quy định tại khoản 1 Điều 232 BLHS (Chấp hành xong ngày 23/6/2020). Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 02/07/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện PH ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Xuân, có mặt tại Phiên tòa.

3. Lê Hữu H (*Tên gọi khác: H Cú*) - Sinh ngày: 28/03/1999 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lê Văn I - SN: 1960 và bà: Võ Thị K - SN: 1967; Vợ: Thân Thị Mỹ L - SN: 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 04/8/2020 bị Chủ tịch UBND xã B 1 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích vào ngày 10/07/2020 (Chấp hành xong ngày 24/8/2020).

Bị cáo bị áp dụng biện PH ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2021 tại xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

4. Phan Đình M (*Tên gọi khác: Cu Anh*) - Sinh ngày: 12/10/2002 tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Phan Đình N - SN: 1969 và bà: Trần Thị Kim P - SN: 1969; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện PH ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/03/2021 tại xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

5. Dương Ngọc Q (*Tên gọi khác: Cu lớn*) - Sinh ngày: 21/01/1994 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Dương Văn O - SN: 1962 và bà: Nguyễn Thị C - SN: 1969; Vợ Lê Thị X, sinh 1995. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 25/05/2016 bị Công an huyện Đồng Xuân xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.250.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích, đánh bạc và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác vào ngày 10/02/2016 (Chấp hành xong ngày 27/5/2016).

Bị cáo bị áp dụng biện PH ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/01/2021. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Xuân, có mặt tại Phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc Q (Bào chữa theo yêu cầu của bị cáo):* Luật sư Nguyễn C Hoàng – Văn phòng Luật sư Huy Hoàng, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

* *Bị hại:*

- Nguyễn Đức S – Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Lê Hữu H – Sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Dương Ngọc U – Sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Trương Mạnh Ô – Sinh năm: 1999; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Lâm Ngọc Vi – Sinh năm: 2001; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Hồ Thị TH – Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Hồ Trọng C – Sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn A, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Trần Thị Kim P – Sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Phan Thị KH – Sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Nguyễn Thị Thu C – Sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Dương Ngọc O – Sinh năm: 1962; nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt tại Phiên tòa.

- Thân Thị Mỹ L – Sinh năm: 2001; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Nguyễn Minh C – Sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Nguyễn Văn CH – Sinh năm: 1998; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Phan Đình PH – Sinh năm: 1998; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Nguyễn Quốc NG – Sinh năm: 1998; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Trần Huỳnh T1 – Sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Lâm Ngọc V1 – Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Nguyễn Đức B1 – Sinh năm: 1998; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Phan Đình P1 – Sinh năm: 2002; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Nguyễn Kim S1 – Sinh năm: 1997; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Bùi Thị Thu Y1 – Sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các H liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/02/2019, tại thôn E 1- xã B 1- huyện Đồng Xuân có hai nhóm đối tượng tổ chức uống bia ở hai địa điểm khác nhau gồm: Tại chợ E 1 nằm trên đường ĐT647 có các đối tượng: Hồ Văn D, Nguyễn Văn CH, Trương Mạnh Ô, Phan Đình PH và Nguyễn Quốc NG; Tại cầu số 1 nằm trên đường ĐT646 có các đối tượng: Hồ Trọng T, Lê Hữu H, Phan Đình M (SN 12/10/2002), Trần Huỳnh T1, Lâm Ngọc Vi, Lâm Ngọc V1 và Nguyễn Đức B1.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, D thấy Dương Ngọc Q điều khiển xe mô tô BKS: 78K1-182.65 chạy ngang qua chợ E 1. Do có mâu thuẫn từ trước nên D nghĩ rằng Q sẽ đánh mình nên nhờ CH điều khiển xe mô tô chở về nhà ở thôn E 1 lấy 01 con dao để đánh nhau với Q. Cùng thời điểm này, M trên đường đi về nhà thấy Q đang điều khiển xe chạy phía G, M sợ Q đánh mình nên chạy vào nhà của D trốn và gọi điện cho T1 nội dung là M bị Q rượt đuổi đánh. Tại nhà của D, M bảo D lên xe mô tô BKS: 78K1- 152.32 rồi điều khiển xe chở đến ngã ba giao nhau giữa đường ĐT647 và ĐT646 để tìm Q đánh, D đồng ý. Trên đường đi, M vào nhà của mình lấy hai cái rựa rồi đưa cho D cầm. Trong lúc ở nhà D, CH nghe M và D nói chuyện với nhau nên CH quay lại chợ E 1 tiếp tục uống bia rồi kể lại việc M bị Q rượt đuổi đánh và D với M đang đi đến ngã ba để tìm Q đánh. CH rủ Ô, NG và PH cùng đi xem M bị đánh như thế nào, tất cả đồng ý cùng đi.

Lúc này tại cầu số 01, khi nghe điện thoại của M xong thì T1 nói lại cho cả nhóm biết sự việc M bị đánh nên cả nhóm thống nhất đi tìm M xem bị đánh như thế nào rồi đánh lại, tất cả đều đồng ý. Sau đó, T và Vi mỗi người nhặt một đoạn cây gỗ làm hung khí, H điều khiển xe mô tô BKS: 78K1 – 059.08 chở T và B1, còn T1 điều khiển xe mô tô BKS: 79N1 – 229.46 chở Vi và V1 đi từ Cầu số 1 ra hướng ngã ba.

Trong khoảng thời gian này, Q điều khiển xe mô tô chở bạn gái Bùi Thị Thu Y1 trên đường ĐT647 và gọi điện thoại nói dối với em ruột của mình là Dương Ngọc U là Q bị nhóm I niên ở xã B 1 chặn đường đánh nên nhờ U đến đưa về. Nghe vậy, U rủ và trực tiếp điều khiển xe mô tô BKS: 60S2 – 0404 chở Nguyễn Đức S và Nguyễn Minh C đi đến xã B 1 để đưa Q về. Trên đường đi đến gần ngã ba giao nhau giữa tuyến đường ĐT646 và ĐT647 thuộc thôn E 1- xã B 1-huyện

Đồng Xuân thì U, S và C gặp Q. Lúc này, Q nói không có chuyện gì rồi bảo U, S và C đi về. G đó, Q điều khiển xe mô tô chở Y1 đi vào trong đường ĐT646 hướng về cầu số 1 để chơi nên U dừng xe mô tô đứng bên lề đường ĐT646 cách ngã ba khoảng 30 mét để chờ Q cùng đi về.

Lúc này, T, H, B1, Vi, V1, T1 đang trên đường từ cầu số 1 ra hướng ngã ba thì gặp Q. Q dừng xe lại và lấy 01 con dao dài khoảng 30 cm – 40 cm cất giấu trong cốp xe mô tô của Q trước đó ra đánh nhau với nhóm của T. T1 và V1 bỏ chạy không tham gia đánh nhau, Vi dùng khúc cây đánh Q trúng vào vùng đầu và vai bị thương tích. Bị đánh, Q dùng dao chém lại trúng vào tay trái của Vi gây thương tích nhẹ. Thấy vậy, Vi cùng B1 bỏ chạy. T cầm đoạn cây đánh Q trúng vào lưng bị thương tích nhẹ, Q bỏ chạy. H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T đi ra hướng ngã ba thì gặp U, S và C. Vì nghĩ là đồng bọn của Q đi đến để đánh mình nên T dùng đoạn cây gỗ đánh vào hướng U, C và S nhưng không trúng ai. G đó, T ném đoạn cây ở gần đó và được H tiếp tục chở T đi ra đường ĐT647 về hướng chợ E 1, mục đích là để tìm hung khí quay lại đánh Q và nhóm của Q.

Khi đi được một đoạn cách ngã ba khoảng 300 mét thì H, T gặp M và D đi ngược chiều. Khi gặp nhau, T, H, D và M thống nhất với nhau cùng quay lại ngã ba để tìm đánh Q và nhóm của Q. D đưa cho T một cái rựa, H điều khiển xe chở T đi trước, còn M điều khiển xe chở D đi theo G. Vừa lúc này, Ô điều khiển xe mô tô chở PH, CH và NG điều khiển xe mô tô đi một mình chạy tới thấy T, H, D và M đang đi về hướng ngã ba nên đi theo. Phan Đình P1 đi chơi về nhìn thấy nhóm bạn của mình đang cầm hung khí đi ngoài đường nên cũng chạy theo mục đích để can ngăn nếu có xảy ra đánh nhau.

Khi H, T, M, D đi vào đường ĐT646 hướng về cầu số 1 thì C nhìn thấy nên bỏ chạy trốn, còn U điều khiển xe mô tô chở S đi ra hướng ngã ba thì xảy ra va chạm với xe mô tô của H đang điều khiển chở T chạy ngược chiều làm cả hai xe mô tô ngã xuống đường. M điều khiển xe mô tô chở D chạy phía G nên tung vào xe mô tô của H đang ngã dưới đường làm xe mô tô của M ngã theo. Tại vị trí các xe va chạm, U và S đứng dậy thì U bị đánh trúng một cái vào vùng đầu bất tỉnh (không xác định được ai đánh), còn D dùng dao chém S. Bị chém, S giơ tay lên đỡ và giật được con dao rồi dùng con dao này chém lại, D lùi ra sau nên không trúng. sau đó, D tiếp tục cầm cái rựa xông vào định chém S thì P1 vừa đến giật lấy cái rựa ném xuống đám mía gần đó và kéo D ra thì P1 bị đánh một cái trúng vào đầu bị thương tích nhẹ nhưng không xác định được là ai đánh. Bị đánh, nên P1 bỏ chạy ra đường ĐT647. Thời điểm này, T làm rơi cái rựa xuống đám mía gần đó và nhìn thấy D bị S chém nên T bẻ một đoạn cây gỗ có kích thước dài khoảng 70 cm bên lề đường chạy đến đánh một cái trúng vào tay phải của S đang cầm con dao rơi xuống đất, T tiếp tục dùng đoạn cây gỗ đánh một cái hướng từ trên xuống trúng vào vùng đầu của S gây thương tích. S bị thương ngã, nằm xuống đường.

Thời điểm này, Q đang ở trên đường ĐT646 cách ngã ba khoảng 200 mét nghe tiếng đánh nhau. Biết U, S và C bị đánh nên Q điều khiển xe mô tô chạy đến vị trí các xe mô tô đang ngã và dựng xe ở trên đường. Q cầm dao xông tới vị trí của H đang lom khom dựng xe và dùng dao chém 02 cái trúng vào tay phải của H

gây thương tích. Ô vừa tới thấy H bị Q chém nên xông vào đánh Q thì bị Q dùng dao chém trúng một cái vào lòng bàn tay trái gây thương tích nhẹ. Bị chém, Ô bỏ chạy ra ngoài đường ĐT647. Còn Q tiếp tục cầm dao đuổi theo chém nhóm của T nên PH, NG, CH vừa mới tới cũng bỏ chạy ra đường ĐT647 với Ô, T, H, D, M. G đó, T, H, D, M, Ô, CH nhặt đá và cây gỗ bên đường ném lại trúng vào người Q nên Q không đuổi theo nữa mà quay lại vị trí của S và U. Lúc này, Nguyễn Kim S1 nhận được điện thoại của H nên điều khiển xe chạy đến ngã ba thì sự việc đánh nhau đã kết thúc nên S1 đi về nhà. Những người bị thương được đưa đi cấp cứu. Riêng Ô đi đến vị trí các xe mô tô ngã nhìn thấy xe mô tô của Q đang dựng trên đường nên dùng cây đập hư hỏng một số bộ phận.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 78/TGT ngày 27/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận tỷ lệ thương tích của Nguyễn Đức S là 63%; Vật tác động: Vật tày.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 375/TgT ngày 14/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận chưa phát hiện chấn thương cẳng tay phải gây gãy đầu dưới xương quay phải của S để lại di chứng gì.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 75/TCT ngày 25/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận tỷ lệ thương tích của Lê Hữu H là 33%. Vật tác động: Vật có cạnh + vật có cạnh sắc.

Công văn số 15 ngày 22/3/2021 của Trung C PH y tỉnh Phú Yên thể hiện: Nếu trừ đi tỷ lệ 01% vết thương ở đỉnh đầu thì tỷ lệ phần trăm thương tích của H là 33%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 72/TgT ngày 03/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận tỷ lệ thương tích của Lê Hữu H là 33%; Vết thương ở đỉnh đầu gây ra bởi vật có cạnh; Vết thương trên tay phải gây ra bởi vật có cạnh sắc.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 39/TGT ngày 06/02/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận tỷ lệ thương tích T1 bộ của Dương Ngọc Q là 07%; Vật tác động: Vật tày có cạnh.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 40/TgT ngày 06/02/2013 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Tỷ lệ thương tích T1 bộ của Dương Ngọc H1 là 03%; Vật tác động: Vật có cạnh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐGTTHS ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đồng Xuân kết luận: Xe mô tô BKS: 78K1-182.65 bị thiệt hại 480.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: (Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện Đồng Xuân).

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSĐX ngày 05/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê

Hữu H, Phan Đình M về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 BLHS; truy tố bị cáo Dương Ngọc Q về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS.

* Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M, Dương Ngọc Q phạm tội "*Cố ý gây thương tích*". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M; riêng M còn áp dụng Điều 91, Điều 101 BLHS. Xử phạt: Hồ Trọng T từ 8 đến 9 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 04/01/2021; Hồ Văn D từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 18/02/2021; Lê Hữu H từ 5 đến 6 năm tù; Phan Đình M từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt: Dương Ngọc Q từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 04/01/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M và bị hại Nguyễn Đức S: Các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nguyễn Đức S số tiền 139.500.000đ (theo yêu cầu của người bị hại); Các bị cáo đã liên đới bồi thường đủ số tiền 139.500.000đ, trong đó: Người bị hại đã nhận 111.131.000đ; cơ quan hi hành án dân sự huyện Đồng Xuân đang tạm giữ 28.369.000đ. Người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác.

Bị hại Lê Hữu H yêu cầu bị cáo Dương Ngọc Q phải bồi thường số tiền 24.183.000đ, bị cáo Q đã khắc phục bồi thường 10.000.000đ, nên buộc Q còn phải tiếp tục bồi thường 14.183.000đ.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Dương Ngọc O và Nguyễn Đức S: Nguyễn Đức S phải hoàn trả lại cho ông Dương Ngọc O số tiền 35.614.629 đ.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu, tiêu hủy các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện Đồng Xuân.

Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu FX 125, màu trắng đỏ, biển số 79N1 – 229.46; 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter, màu cam đen, biển số 78K1 – 182.65, có bằng cho chủ sở hữu.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, D, H, M khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát. Các bị cáo xin tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Bị hại S đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, D, H, M.

Bị cáo Dương Ngọc Q, Luật sư bào chữa cho bị cáo Q cho rằng Q không phạm tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS như Cáo trạng viện kiểm sát đã truy tố. Hành vi của bị cáo chỉ là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Vì bản thân bị cáo không có mâu thuẫn từ trước với T, D, H, M; mục đích đi đến B 1 và G đó đến đoạn ngã ba đường ĐT646 - ĐT647 là chờ bạn gái đi chơi tết, chứ không có mục đích đi đánh nhau, còn mục đích của T, D, H, M là tìm Q để đánh; mặt khác, trong điều kiện đêm tối, vắng vẻ; tương quan lực lượng giữa các bên có sự chênh lệch. Một bên gồm T, D, H, M và một số I niên khác cùng đánh một mình Q (Lúc này U, S đã bị thương, không thể kháng cự). Trong lúc bị nhóm I niên tấn công thì Q buộc phải dùng dao để phòng vệ. Hành vi phòng vệ của Q là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo quy định tại khoản 1 Điều 136 BLHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Riêng Dương Ngọc Q có đơn khiếu nại đề ngày 09/07/2021 V/v không đồng ý với nội dung kết luận điều tra. Ngày 15/07/2021 cơ quan CSĐT công an huyện Đồng Xuân đã có thông báo số 62 V/v không thụ lý đơn khiếu nại vì đã quá thời hiệu khiếu nại. Xét thấy cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân không thụ lý đơn khiếu nại vì đã quá thời hiệu khiếu nại theo quy định tại khoản 3 điều 155 Bộ luật TTHS là có căn cứ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 BLTTHS.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 04/02/2019, tại thôn E 1, xã B 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M đã có hành vi dùng 01 khúc cây (Là

hung khí nguy hiểm) đánh nhiều cái trúng vào tay và đầu của Nguyễn Đức S gây thương tích 63%.

Đối với bị cáo Dương Ngọc Q: Bị cáo cho rằng không có hành vi gây thương tích cho Lê Hữu H, không nhận tội cố ý gây thương tích như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy bị cáo Dương Ngọc Q không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại Phiên tòa thể hiện: Các lời khai ban đầu Q đã thừa nhận có hành vi dùng dao chém trúng vào những người trong nhóm T, D, H, M, nhưng không biết trúng ai cụ thể, vì trời tối không xác định được; Khi đến trung C y tế huyện Đồng Xuân gặp H, Q có hỏi thăm và xin lỗi H; con dao mà Q sử dụng để chém H thương tích là do Q mang theo (*Thể hiện tại các BL 287, 596, 598*). Q còn khẳng định: Quá trình điều tra không bị bức cung nhục hình (BL853). Vì vậy, việc bị cáo thay đổi lời khai cho rằng không có hành vi gây thương tích cho Lê Hữu H là không có cơ sở. Người bị hại Lê Hữu H khẳng định thương tích của H là do Dương Ngọc Q dùng dao chém gây ra, ngoài ra không có ai gây thương tích cho H; Kết luận giám định pháp y của Lê Hữu H thể hiện: Thương tích của Lê Hữu H do vật có cạnh sắc gây ra, phù hợp với tang vật chứng (Con dao) Q dùng chém H. Ngoài ra các lời khai của bị cáo T, D và lời khai của Ô cũng khẳng định chính mắt nhìn thấy Q dùng dao chém H gây thương tích.

Khi Q từ đường ĐT646 điều khiển xe mô tô chạy đến vị trí các xe mô tô đang ngã, Q cầm dao xông tới vị trí của H đang lom khom dựng xe và dùng dao chém hai cái trúng vào tay phải của H gây thương tích. Thời điểm này T, D, M đã dùng đánh S, các bị cáo không còn hung khí trên tay. Sự tấn công đã kết thúc nên không phát sinh quyền phòng vệ đối với Q. Bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo Q cho rằng hành vi của Q là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là không có căn cứ.

Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Dương Ngọc Q có hành vi dùng dao (Là hung khí nguy hiểm) chém 02 cái trúng vào tay phải của Lê Hữu H gây thương tích 33%, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố Dương Ngọc Q về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, mà các bị cáo đã dùng khúc cây gỗ, dao (*Là hung khí nguy hiểm*) xâm phạm sức khỏe của người khác. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính hung hăng, xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M đều thống nhất việc đi đánh Dương Ngọc Q mà không có sự bàn bạc phân công, câu kết chặt chẽ với nhau khi thực hiện tội phạm, nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

[4] Xét tính chất, vai trò, mức độ phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

- Đối với Hồ Trọng T: Mặc dù bị cáo không có mâu thuẫn gì với S, nhưng khi nghe những người trong nhóm rủ đi đánh Q thì đồng ý ngay. Bị cáo còn tích

cực tham gia việc phạm tội đến cùng, bản thân sử dụng nhiều hung khí như rựa, cây gỗ; là người trực tiếp gây ra thương tích cho Nguyễn Đức S 63%, nên phải chịu trách nhiệm chính, nặng hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 14/8/2018, bị Công an huyện Đồng Xuân xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích (Chấp hành xong ngày 06/5/2021). Nên cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại Phiên tòa, bị cáo Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện cùng với D, H, M, liên đới khắc phục T1 bộ số tiền người bị hại yêu cầu; xin lỗi bị hại trước Phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bà Ngoại là Huỳnh Thị Mùi có công với Nước, nên xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của PH luật mà an C cải tạo tốt.

- Đối với các bị cáo Hồ Văn D, Lê Hữu H: D là người khởi xướng việc đi đánh Q; cả D và H, đều tích cực chuẩn bị hung khí như dao, rựa, cây và cùng thống nhất việc đi đánh Q. Khi gặp U, S tại ngã ba thì trực tiếp cùng với T tham gia đánh S, U, đồng thời giúp sức cho T về mặt tinh thần để T thực hiện hành vi gây thương tích cho S. Như vậy D, H, là đồng phạm với vai trò là người thực hành, vừa là người giúp sức. Hồ Văn D có 01 tiền sự và có nhân thân xấu: Ngày 01/10/2018, bị Hạt kiểm lâm huyện Sơn Hòa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 10.500.000 đồng về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép (Chấp hành xong ngày 01/10/2018); ngày 19/02/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân xử phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, quy định tại khoản 1 Điều 232 BLHS (Chấp hành xong ngày 23/6/2020); Lê Hữu H có nhân thân xấu: Ngày 04/8/2020 bị Chủ tịch UBND xã B 1 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích vào ngày 10/7/2020 (Chấp hành xong ngày 24/8/2020). Nên đối với các bị cáo, cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại Phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại; xin lỗi bị hại trước Phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Hồ Văn D còn có cha ruột là người có công với Nước. Nên xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

- Đối với bị cáo Dương Ngọc Q: Khi bị nhóm T, D, H, M chặn đường đánh, lẽ ra phải tìm cách báo cáo chính quyền địa M đến xử lý hoặc bỏ về để tránh xảy ra đánh nhau. Nhưng không làm thế mà chủ động đem theo hung khí (con dao) và trực tiếp chém H gây thương tích 33%. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác được Pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 25/5/2016 bị Công an huyện Đồng Xuân xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.250.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích, đánh bạc và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác vào ngày 10/02/2016 (Chấp hành xong ngày 27/5/2016). Nên cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội cũng do lỗi của người bị hại; bản thân bị cáo cũng bị thương tích nhưng có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn: Có 01 con 24 tháng tuổi mới mất. Tại Phiên tòa bị cáo tự nguyện khắc phục cho bị hại số tiền 10.000.000đ. Nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của PH luật mà an C cải tạo tốt.

- Đối với bị cáo Phan Đình M: Biết có khả năng xảy ra đánh nhau, nhưng không can ngăn mọi người mà còn trực tiếp chở D đến ngã ba để tìm Q đánh, đến khi xe của M tung vào xe mô tô của H đang ngã xuống đường, làm xe mô tô của M ngã theo, T dùng cây đánh S thương tích thì M không có sử dụng hung khí và không gây thương tích cho ai. Tuy nhiên M đồng phạm với T, với vai trò là người giúp sức. Mức độ tham gia của M thấp hơn so với các bị cáo khác; tính đến thời điểm phạm tội, M là người chưa thành niên (Từ 16 đến dưới 18 tuổi), nên áp dụng Điều 91, Điều 101BLHS, lên mức án vừa phải, không quá $\frac{3}{4}$ mức án đối với người đã thành niên và tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Quá trình điều tra và tại Phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường T1 bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại, đồng thời xin lỗi người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 BLHS đối với bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của PH luật mà an C cải tạo, sớm trở về làm công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Nguyễn Đức S yêu cầu các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M phải bồi thường toàn bộ thiệt hại tổng cộng: 139.500.000đ. Các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M đã thống nhất thỏa thuận liên đới bồi thường đủ số tiền trên cho Nguyễn Đức S, người bị hại không yêu cầu thêm khoản nào khác, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

- Ông Dương Ngọc O yêu cầu Nguyễn Đức S hoàn trả lại số tiền ông đã bỏ ra điều trị của S là 35.614.629 đồng, bị hại Nguyễn Đức S thống nhất bồi hoàn theo yêu cầu của ông O, nên ghi nhận.

- Lê Hữu H yêu cầu Dương Ngọc Q khắc phục hậu quả số tiền 24.183.000 đồng: Xét thấy yêu cầu của bị hại H là có căn cứ và chính đáng nên cần chấp nhận, buộc Dương Ngọc Q phải bồi thường cho H số tiền 24.183.000đ là phù hợp. Bị cáo Q đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho bị hại 10.000.000đ, nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại H số tiền 14.183.000đ.

- Dương Ngọc Q yêu cầu Lâm Ngọc Vi khắc phục chi phí điều trị thương tích của mình là 240.058 đồng. Vi đã khắc phục xong.

- Đối với thiệt hại của xe mô tô BKS: 78K1 – 182.65 do Trương Mạnh Ô gây ra. Hành vi của Ô là trái PH luật, nên cần buộc Ô phải bồi thường cho Dương Ngọc Q số tiền 480.000 đồng là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Xét thấy các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy theo Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: (Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện Đồng Xuân).

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu FX 125, màu trắng đỏ, biển số 79N1 – 229.46 của Trần Huỳnh T1; 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter, màu cam đen, biển số 78K1 – 182.65 của Dương Ngọc Q: Không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu theo Điều 47 BLHS và điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[7] Đối với Lâm Ngọc Vi, Lâm Ngọc V1, Trần Huỳnh T1, Nguyễn Đức B1, Nguyễn Văn CH, Trương Mạnh Ô, Phan Đình PH và Nguyễn Quốc NG: Không có hành vi giúp sức cho T, D, H, M gây thương tích đối với S nên không đồng phạm với T, D, H, M về tội “Cố ý gây thương tích”. Cơ quan Điều tra xử lý bằng biện PH khác là phù hợp.

- Đối với Phan Đình P1, Nguyễn Kim S1: Không tham gia vào việc đánh S gây thương tích. P1 còn có hành động can ngăn D đánh S; S1 đến vị trí đánh nhau thì sự việc đã kết thúc. Do đó không vi phạm PH luật.

- Đối với Dương Ngọc U, Nguyễn Đức S, Nguyễn Minh C: Không tham gia vào việc cùng với Dương Ngọc Q chém Lê Hữu H gây thương tích nên không đồng phạm với Q về thương tích của H. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý rách nhiệm hình sự là đúng quy định của Pháp luật.

- Đối với thương tích của Dương Ngọc U 03%: Ngày 12/3/2019, U tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng Pháp luật.

- Đối với thương tích của Dương Ngọc Q 07%, do Hồ Trọng T, Lê Hữu H, Lâm Ngọc Vi gây ra: Ngày 17/4/2019, Q tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án

hình sự. Quá trình điều tra bổ sung Q yêu cầu khởi tố lại đối với những người gây ra thương tích cho mình. Việc Q rút đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 3 điều 155 Bộ luật TTHS thì Q không có quyền yêu cầu khởi tố bị can lại.

- Đối với thương tích của Nguyễn Minh C, Hồ Trọng T, Trần Huỳnh T1, Lâm Ngọc Vi, Trương Mạnh Ô và Phan Đình P1. Vào các ngày 19/03/2019 và 06/02/2019, những người này có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Cơ quan điều tra không xử lý là đúng Pháp luật.

- Đối với Trương Mạnh Ô có hành vi dùng cây đập xe mô tô BKS 78K1 - 185.62 với thiệt hại 480.000 đồng. Do giá trị thiệt hại dưới 2.000.000 đồng và không có yếu tố định tội khác nên hành vi của Ô không cấu thành tội phạm, mà chỉ buộc Ô bồi thường số tiền trên là phù hợp.

- Đối với những xe mô tô khác trong quá trình các đối tượng điều khiển xe va chạm có hư hỏng một số bộ phận. Tuy nhiên chủ sở hữu có yêu cầu tự khắc phục hậu quả, không yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M, Dương Ngọc Q phạm tội: "*Cố ý gây thương tích*".

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M. Riêng bị cáo D, H, M còn được áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS; Phan Đình M được áp dụng Điều 91, Điều 101 BLHS.

Xử phạt:

+ Hồ Trọng T 07 (*Bảy*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 04/01/2021.

+ Hồ Văn D 06 (*sáu*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 18/02/2021.

+ Lê Hữu H 05 (*Năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Phan Đình M 02 (*Hai*) năm 06 (*KH*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Dương Ngọc Q. Xử phạt: Dương Ngọc Q 06 (*KH*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 04/01/2021).

* Về tránh nhiệm dân sự:

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M và bị hại Nguyễn Đức S như G: Nguyễn Đức S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường T1 bộ thiệt hại tổng cộng bằng 139.500.000đ; các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M đã liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 139.500.000đ, trong đó: Số tiền Nguyễn Đức S đã nhận là 111.131.000đ; số tiền còn lại 28.369.000đ đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân (do các bị cáo nộp khắc phục), Nguyễn Đức S được tiếp tục nhận số tiền 28.369.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo việc hoàn trả cho ông Dương Ngọc O.

- Buộc Dương Ngọc Q phải bồi thường cho Lê Hữu H số tiền 24.183.000đ. Q đã bồi thường cho H 10.000.000đ, nên còn phải tiếp tục bồi thường cho H 14.183.000đ (Mười bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Buộc Trương Mạnh Ô phải bồi thường cho Dương Ngọc Q số tiền 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Nguyễn Đức S với ông Dương Ngọc O: Nguyễn Đức S có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Dương Ngọc O số tiền 35.614.629 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm mười bốn nghìn sáu trăm hai chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực Pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao lưỡi kim loại sáng trắng dài 11,1cm, báng rộng 1,8cm, cán bằng nhựa màu V1 dài 9,5cm, báng rộng 1,9cm, có mũi nhọn và 01 cạnh sắc bén; 01 (một) con dao lưỡi kim loại trắng sáng dài 21,8cm, báng rộng 3.8cm, cán bằng nhựa màu đen dài 11,7cm, báng rộng 03cm, có mũi nhọn và 01 cạnh sắc bén; 01 (một) cái kéo lưỡi bằng kim loại dài 10,2cm, báng rộng 02cm, cán bằng nhựa màu đen dài 10cm; 01 (một) khúc gỗ tròn kích thước (54 x 03)cm, hai đầu bẻ mép nham nhở; 01 (một) khúc gỗ tròn kích thước (65 x 04)cm, hai đầu bẻ mép nham nhở; 01 (một) khúc gỗ tròn kích thước (73 x 2,5)cm, hai đầu bẻ mép nham nhở; 01 (một) khúc gỗ có 04 cạnh dài 61,5cm, dày 2,7cm, rộng 04cm, hai đầu bẻ mép nham nhở; 01 (một) hòn đá không rõ hình, kích thước (16 x 11 x 11)cm; 01 (một) hòn đá không rõ hình, kích thước (11,5 x 5,5 x 06)cm, trên hòn đá có dính chất màu nâu đỏ (nghi máu); 01 (một) cục bê tông không rõ

hình, kích thước (15 x 25 x 11,5)cm, trên cục bê tông có dính chất màu nâu đỏ (nghỉ máu); 01 (một) mũ bảo hiểm xe máy hiệu “ASIA” màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm xe máy hiệu “Yamaha” màu đen sọc trắng; 01 (một) mũ bảo hiểm xe máy hiệu “Andes helmet” màu trắng, 02 sọc màu đỏ và màu xanh dương ở giữa, trên mũ có dán tem: No 523492; 01 (một) mũ bảo hiểm xe máy hiệu “Andes helmet” màu trắng; 01 (một) chiếc dép màu đà, hiệu “LETAS” bên phải; 01 (một) chiếc dép màu nâu, hiệu “HOÀNG” bên phải; 01 (một) chiếc dép vai hậu bên trái, màu nâu, hiệu “CAT”; 01 (một) chiếc dép vai hậu bên phải, màu nâu, hiệu “CAT”; 02 (hai) chiếc dép bên trái màu đen, quai sọc màu trắng đen; 02 (hai) chiếc dép bên phải màu đen, quai sọc màu trắng đen; 01 (một) chiếc dép xốp màu xanh, bên phải; 01 (một) chiếc dép xốp màu xanh, bên trái; 01 (một) mảnh nhựa màu xanh, kích thước (60 x 40)cm, có ghi chữ Exciter; 01 (một) đèn chiếu sáng của xe mô tô; 01 (một) cái xẻng lưỡi kim loại, kích thước (29 x 25) cm, cán bằng gỗ dài 99cm, đường kính 13cm.

- Áp dụng Điều 47 BLHS và điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu FX 125, màu trắng đỏ, biển số 79N1 – 229.46 cho Trần Huỳnh T1; 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter, màu cam đen, biển số 78K1 – 182.65, có bùng cho Dương Ngọc Q. Tạm giao cho cơ quan thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter, màu cam đen, biển số 78K1 – 182.65, có bùng của Dương Ngọc Q để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện Đồng Xuân).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, 26 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hồ Trọng T, Hồ Văn D, Lê Hữu H, Phan Đình M, Dương Ngọc Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Dương Ngọc Q còn phải chịu 709.000đ tiền án phí DSST; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Mạnh Ô phải chịu 300.000đ án phí DSST; Người bị hại Nguyễn Đức S phải chịu 1.780.000đ án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư PH tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;

- Những người tham gia tổ tụng;

Trần Ngọc Trung